

Bản án số: 1115/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2017
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Xuân Mai
2. Bà Lại Thị Đắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 9 và ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 747/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà N, sinh năm 1976

Địa chỉ: Đường N, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông N, sinh năm 1973

Địa chỉ: Đường N, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 27 tháng 6 năm 2017 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Bà N trình bày: Bà và ông N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90/KH, quyền số 01/2002 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/6/2002. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không có sự quan tâm lẫn nhau, vợ chồng mạnh ai nấy sống. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: có 02 con chung tên K sinh ngày 03/11/2002 và T sinh ngày 21/4/2009. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung nói trên, mỗi tháng bà yêu cầu Ông N cấp dưỡng nuôi 02 con là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng (tức mỗi trẻ 10.000.000 đồng/tháng).

Tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Đối với bị đơn là ông N, theo lời trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận 8 thì: Ông N xác nhận những lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, về tài sản chung và nợ chung là đúng. Về việc bà N yêu cầu được ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung, ông và bà N có 02 con chung tên K sinh ngày 03/11/2002 và T sinh ngày 21/4/2009, ông đồng ý giao hai con chung nói trên cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Mỗi tháng ông đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng (tức mỗi trẻ 10.000.000 đồng/tháng).

Tài sản chung: ông và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: ông xác nhận không có.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - Bà N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn - Ông N vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy đây là vụ án tranh chấp ly hôn, do bị đơn là ông N có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Ông N đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét bà N và ông N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90/KH, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/6/2002 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét việc trình bày của bà N về yêu cầu ly hôn ông N, và ý kiến của ông N đồng ý ly hôn với bà N, với lý do trong quá trình chung sống vợ chồng thường cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đều đồng ý ly hôn. Xét việc Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải, triệu tập họp lệ ông N nhiều lần đến Tòa để hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng ông N không đến Tòa để hòa giải. Chứng tỏ ông N thiếu thiện chí để hòa giải những mâu thuẫn giữa vợ chồng nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết việc ly hôn.

Xét về con chung: Bà N và ông N đều đồng ý để bà N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên K sinh ngày 03/11/2002, T sinh ngày 21/4/2009 là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ trẻ. Ông N đồng ý mỗi tháng cấp dưỡng nuôi hai con là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng (tức mỗi trẻ 10.000.000 đồng/tháng) cho đến khi 02 trẻ trưởng thành, là phù hợp nên để Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét về tài sản chung: Bà N và ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét về nợ chung: Bà N và Ông N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà N về việc xin ly hôn với Ông N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 90/KH, quyền số 01/2002 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/6/2002)

- Về con chung: Giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên K sinh ngày 03/11/2002 và T sinh ngày 21/4/2009. Mỗi tháng ông N cấp dưỡng nuôi 02 con là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng (tức mỗi trẻ 10.000.000 đồng/tháng) cho đến khi 02 trẻ trưởng thành.

Ông N có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà N ông N và tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N ông N xác nhận không có.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc cấp dưỡng theo thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà N phải chịu nhưng được khấu trừ số tiền này vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013091 ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, bà N đã thi hành xong phần án phí.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông N phải chịu.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Bà N và ông N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSNDQ8;
- Chi cục THADS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Phúc

